

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày 28 – 8 – 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Duyên và bà Dương Quỳnh Như.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đoàn Văn N**; sinh ngày 06/8/1975 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: **Thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đoàn Văn S** và bà **Nguyễn Thị N1** (đều đã chết); có vợ là **Hoàng Thị D** và 02 con (con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2000);

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 26/5/2022, bị **Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bằng hình thức phạt tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*). Đến nay **Đoàn Văn N** chưa nộp phạt.

Bị cáo hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Đỗ Công Đ**, sinh năm 1978; trú tại: **Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên**. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Ông **Trần Thanh L**, sinh năm 1971; trú tại: **Thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang**. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

3. Ông **Ma Thế T**, sinh năm 1980; trú tại: **Thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang**. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 12 năm 2023, **Đỗ Công Đ**, sinh năm 1978 (trú tại **Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên**) đến chơi tại nhà anh vợ là **Trần Thanh L**, sinh năm 1971 (trú tại **Thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang**), quá trình ngồi nói chuyện **L** đã bảo với **Đ** “*Khu vực nhà anh có Q, em không có việc gì làm thì em vào mà làm*”, ý **L** bảo **Đ** đến khu đất vườn nhà **L** để khai thác quặng trái phép, nghe **L** nói thế thì **Đ** trả lời “*Vâng, thế anh cho em làm*”. Để thực hiện việc khai thác quặng trái phép tại khu đất vườn nhà **L**, **Đ** đã trực tiếp đi đến nhà **Đoàn Văn N**, sinh năm 1975 (trú tại **Thôn Đ, xã P, huyện C**) và **Ma Thế T**, sinh năm 1980 (trú tại **Thôn K, xã K, huyện C**) để trao đổi, thuê **N** và **T** khai thác khoáng sản, đồng thời **Đ** thỏa thuận trả tiền công cho **N** và **T** là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*)/ngày; sau khi **N** và **T** đồng ý thì **Đ** hẹn với **N** và **T** sáng 07/01/2024 có mặt tại nhà **L** để thực hiện việc khai thác khoáng sản. Ngoài ra, **N** còn đề nghị với **Đ** cho **N** ứng trước 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), tiền công để chi tiêu cá nhân.

Sau đó, **Đ** đi về chuẩn bị dụng cụ (dao, xẻng, xà beng, xe rùa, máng), rồi **Đ** trao đổi với **L** để cho **Đ** chặt một số cây gỗ Keo tại vườn rừng sản xuất của nhà **L** ở gần lò khai thác quặng (lò được đào từ trước), mục đích để be, chống cửa lò và được **L** đồng ý. Như đã hẹn, sáng ngày 07/01/2024, **Đ**, **N**, **T** đến nhà **L**, rồi cùng đi lên khu vực vườn đồi cách nhà **L** khoảng 50m, đến nơi **Đ** bảo **N** đi chặt một số cây gỗ Keo, còn **Đ** và **T** vận chuyển các đoạn gỗ **K** do **N** chặt mang đến miệng lò nơi khai thác quặng. Ngày hôm sau **Đ**, **N**, **T** tiếp tục đến địa điểm trên sử dụng cuốc, xẻng, xà beng sửa lại miệng lò, rồi lấy các đoạn gỗ Keo chặt từ hôm trước để be và chống xung quanh miệng lò nhằm tránh sạt lở.

Ngày 09/01/2024, **Đ**, **N**, **T** thực hiện việc đào đất trong lò để tìm quặng, khi đào sâu xuống khoảng 1 mét thì phát hiện thấy quặng, nên **Đ** và **N** thay nhau dùng xà beng đào phá và sử dụng xẻng xúc quặng hất lên miệng lò, còn **T** ở trên dùng xẻng xúc quặng lên xe rùa vận chuyển đến địa điểm cách lò khai thác quặng khoảng 5 mét. **Đ**, **N**, **T** khai thác quặng trái phép đến khoảng 11 giờ ngày 11/01/2024 thì bị Tổ công tác của Cơ quan CSĐT **Công an huyện C** phối hợp với **Ủy ban nhân dân xã P, huyện C** kiểm tra phát hiện và thu giữ toàn bộ số quặng đã khai thác được, với tổng khối lượng là 204 kg. Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản làm việc và niêm phong số quặng trên theo quy định.

Như vậy, từ ngày 07/01/2024 đến ngày 11/01/2024, được sự đồng ý của **Trần Thanh L**, **Đỗ Công Đ** đã thuê và cùng với **Đoàn Văn N**, **Ma Thế T** thực hiện hành vi khai thác 204 kg quặng trái phép trong khu vực vườn rừng sản xuất của nhà **L** tại **thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang**. Trước đó ngày 26/5/2022, **Đoàn Văn N** đã bị **Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bằng hình thức phạt tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*); đến nay **N** chưa chấp hành việc nộp phạt.

*** Về kết luận giám định:**

Tại Kết luận Giám định số 799/KL-KTHS ngày 06/02/2024 của **V - Bộ C**, kết luận: Mẫu chất rắn dạng đất đá gửi giám định có chứa **quặng arsen (As)** [Khoáng vật quặng arsenopyrit (AsFeS)], hàm lượng As 17,91%. Ngoài ra còn tìm thấy vàng trong mẫu, hàm lượng vàng 1,2 mg/kg.

*** Về định giá tài sản:**

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 27/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng Hình sự Tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Tổng giá trị tài sản xác định theo yêu cầu định giá số 1188/YC-CSKT ngày 27/3/2024 của Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh T** là: **204 kg** (chất rắn dạng đất đá có chứa quặng arsen (As) khoáng vật quặng arsenopyrit (AsFeS), hàm lượng As 17,91%, hàm lượng vàng 1,2 mg/kg) x 180.000 đồng/kg = **36.720.000 đồng** (Ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

*** Về thu giữ vật chứng:**

- 01 Xẻng cán bằng tre, chiều dài 1,7m.
- 01 Xẻng cán bằng gỗ, chiều dài 1,6m.
- 01 Xà beng bằng kim loại, dài 1,45m, một đầu tròn, một đầu dẹp, đường kính 03 cm, thân xà beng hình trụ tròn.
- 01 Xe rùa đã qua sử dụng.
- 01 Máng tự chế bằng nhựa và gỗ có chiều dài 0,8m, chiều rộng 0,5m.
- 08 bao đất, đá có chứa quặng, có tổng khối lượng 204 kg (**V** thu 06 kg để làm mẫu giám định, còn lại 198 kg).
- 01 con dao bằng kim loại màu đen, dài 37cm, chuôi bằng gỗ.
- Thu giữ của **Đoàn Văn N** số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), là số tiền công mà **Đỗ Công Đ** cho **N** ứng trước ngày 07/01/2024.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo **Đoàn Văn N** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng Kết luận giám định, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 43/CT-VKS-P1 ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo **Đoàn Văn N** về tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu luận tội, giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo **Đoàn Văn N** và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Đoàn Văn N** phạm tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên”. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Đoàn Văn N** từ 06 tháng đến 09 tháng nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 6 tháng.

Không đề nghị phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) thu của bị cáo **Đoàn Văn N** và 07 (bảy) Bao chất rắn dạng đất đá có chứa Quặng, có tổng khối lượng là 198 kg (Một trăm chín

mười tám kilôgam). Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số vật chứng đã thu giữ còn lại mà bị cáo **Đoàn Văn N** và những người liên quan đã sử dụng vào việc khai thác tài nguyên.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo **Đoàn Văn N** nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất để bị cáo có cơ hội cải tạo, sớm được trở về với gia đình và hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo **Đoàn Văn N** tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 07/01/2024 đến ngày 11/01/2024, **Đoàn Văn N**, sinh năm 1975 (trú tại **Thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang**) cùng với **Đỗ Công Đ**, sinh năm 1978 (trú tại **Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên**), **Ma Thế T**, sinh năm 1980 (trú tại **Thôn K, xã K, huyện C**) và **Trần Thanh L**, sinh năm 1971 (trú tại **Thôn Đ, xã P, huyện C**) đã có hành vi khai thác khoáng sản trái phép tại khu vườn rừng sản xuất nhà **L** ở **thôn Đ, xã P, huyện C**; tổng khối lượng khoáng sản khai thác trái phép là **204 kg** (chất rắn dạng đất đá có chứa quặng arsen (As) khoáng vật quặng arsenopyrit (AsFeS), hàm lượng As 17,91%, hàm lượng vàng 1,2 mg/kg), có giá trị là **36.720.000 đồng** (*Ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*). Trước đó ngày 26/5/2022, **Đoàn Văn N** đã bị **Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bằng hình thức phạt tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*), đến nay **N** chưa chấp hành việc nộp phạt.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi khai thác khoáng sản mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm quy định pháp luật nhưng cố tình thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy Viện

kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[4] Về mức án đối với bị cáo: Hành vi của bị cáo xâm phạm chế độ quản lý của nhà nước về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên và sự ổn định bền vững của môi trường sinh thái. Gây thất thoát tài nguyên khoáng sản. Bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với mức phạt tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*), và chưa nộp phạt số tiền trên nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật.

Do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giữ nghiêm kỷ cương pháp luật, ổn định trật tự an toàn xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên đối chiếu với Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, xét thấy bị cáo khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết cách ly bị cáo với xã hội mà xử bị cáo mức án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Xét thấy bị cáo thuộc diện hộ nghèo, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), của bị cáo **Đoàn Văn N** và 07 (bảy) Bao chất rắn dạng đất đá có chứa Quặng, có tổng khối lượng là 198 kg (Một trăm chín mươi tám kilôgam).

Tịch thu tiêu hủy:

- + 01 (một) Xẻng cán bằng tre, chiều dài **X** và cán dài 1,7 mét.
- + 01 (một) chiếc Xẻng cán bằng gỗ, chiều dài **X** và cán dài 1,6 mét.
- + 01 (một) Xà beng bằng kim loại, dài 1,45 mét, một đầu tròn, một đầu dẹp, đường kính 03 cm; thân xà beng hình trụ tròn.
- + 01 (một) Xe rùa đã qua sử dụng.
- + 01 (một) Máng tự chế bằng nhựa và gỗ có chiều dài 0,8 mét, chiều rộng 0,5 mét.

+ 01 (một) con dao làm bằng kim loại màu đen, tổng chiều dài là 37cm, chuôi làm bằng gỗ dài 11,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao rộng 6cm, dao cũ đã qua sử dụng.

(*Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 31/7/2024*).

[6] Về án phí: Bị cáo Đoàn Văn N thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm

[7] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

1. *Tuyên bố*: Bị cáo Đoàn Văn N, phạm tội “Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên”.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn N 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 01 (một) năm, Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/8/2024.

Giao bị cáo Trần Văn N2 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp*: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Tịch thu tiêu hủy đối với*:

+ 01 (một) Xẻng cán bằng tre, chiều dài X và cán dài 1,7 mét.

+ 01 (một) chiếc Xẻng cán bằng gỗ, chiều dài X và cán dài 1,6 mét.

+ 01 (một) Xà beng bằng kim loại, dài 1,45 mét, một đầu tròn, một đầu dẹp, đường kính 03 cm; thân xà beng hình trụ tròn.

+ 01 (một) Xe rùa đã qua sử dụng.

+ 01 (một) Máng tự chế bằng nhựa và gỗ có chiều dài 0,8 mét, chiều rộng 0,5 mét.

+ 01 (một) con dao làm bằng kim loại màu đen, tổng chiều dài là 37cm, chuôi làm bằng gỗ dài 11,5cm, phần rộng nhất của lưỡi dao rộng 6cm, dao cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 31/7/2024).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với:

+ Số tiền 300.000 đồng của Đoàn Văn N. Số tiền này hiện đang giữ trong tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, theo Ủy nhiệm chi số 03/240819 – 1006751-2461011 ngày 19/8/2024 của Sở tài chính tỉnh T, giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để thi hành bản án.

+ 07 (bảy) Bao chất rắn dạng đất đá có chứa Quặng, có tổng khối lượng là 198 kg (Một trăm chín mươi tám kilôgam).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đoàn Văn N không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Q (CQCSĐT, Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam